TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ CHƠN THÀNH** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **06**/2024/DS-ST
Ngày: 27-3-2024
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Thư
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Xuân Đính
Bà Lương Thị Thu An

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Hồng Huế- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lệ Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 166/2023/TLST-DS ngày 06 tháng 11 năm 2023 về *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2024/QĐXXST- DS ngày 21 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2024/QĐST-DS ngày 12/3/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1990; địa chỉ cư trú: Ấp SN, xã NB, thị xã CT, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Hà: Ông Hồ Phương T, sinh năm 1985; địa chỉ cư trú: Khu phố PC, phường TP, thành phố ĐX, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn: Ông Trịnh Thế Q, sinh năm 1987; địa chỉ cư trú: Tổ 3, khu phố 2, phường TT, thị xã CT, tỉnh Bình Phước.

(Ông T có mặt, ông Q vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Hồ Phương T trình bày:

Ngày 14/5/2022, bà Nguyễn Thị H có cho ông Trịnh Thế Q vay 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) bằng hình thức chuyển khoản, thời hạn trả là tháng 12/2022, lãi suất 2%/tháng. Từ ngày 14/5/2022 đến tháng 3/2023, ông Q đã trả cho bà H tổng

cộng 53.800.000 đồng (Năm mươi ba triệu tám trăm nghìn đồng) tiền lãi. Ông Q chưa trả cho bà H tiền gốc. Bà H nhiều lần yêu cầu ông Q trả nợ, ông Q hứa hẹn nhưng không trả.

Tại đơn khởi kiện ngày 22/8/2023, bà H yêu cầu Tòa án buộc ông Q phải trả cho bà H số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) và lãi suất của số tiền trên với mức lãi suất 2%/tháng, tính từ ngày 01/4/2023.

Tại đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 04/3/2024, bà H thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau: Yêu cầu Tòa án buộc ông Q phải trả cho bà H số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) và lãi suất của số tiền trên với mức lãi suất 1,66%/tháng, tính từ ngày 01/4/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Ngoài ra bà H không có yêu cầu nào khác.

Bị đơn ông ông Trịnh Thế Q vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có văn bản trình bày ý kiến và không cung cấp tài liệu, chứng cứ.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu theo nội dung đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 04/3/2024, yêu cầu Tòa án buộc ông Q phải trả cho bà H số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) và số tiền lãi 59.096.000 đồng (Năm mươi chín triệu không trăm chín mươi sáu nghìn đồng).

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70,72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 217, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 280, 357, 463, 466, 469 Bộ luật dân sự 2015;

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H, buộc bị đơn ông Trịnh Thế Q phải trả cho bà Hà số tiền nợ gốc sau khi đã trừ đi số tiền lãi đã trả vượt quá theo quy định của pháp luật.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về mức lãi suất bị đơn phải trả cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của Viện kiểm sát và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Trịnh Thế Q có nơi cư trú tại tổ 3, khu phố 2, phường TT, thị xã CT, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Trịnh Thế Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà H thay đổi yêu cầu khởi kiện về việc tính lãi suất của số tiền nợ gốc từ 2%/tháng thành 1,66%/tháng. Xét việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của bà H không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của bà H về việc buộc ông Q phải trả cho bà H số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng), thấy rằng:

Căn cứ vào lời trình bày của bà H và đại diện theo ủy quyền là ông Hồ Phương T về việc cho ông Trịnh Thế Q vay 300.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản từ tài khoản 050067929461 của bà Nguyễn Thị H mở tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn-Thương tín vào số tài khoản 19035833803017 của ông Q tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam, trên cơ sở đối chiếu với số phụ tài khoản tiền gửi không kỳ hạn do bà Hà cung cấp và Công văn số 39/2024/TCB BPC ngày 05/01/2024 của Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam- Chi nhánh Bình Phước phúc đáp Công văn số 01/CV-TA ngày 02/01/2024 của TAND thị xã Chơn Thành, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định: Ngày 14/5/2022, ông Trịnh Thế Q vay của bà Hà 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng).

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà H và đại diện theo ủy quyền của bà H là ông Hồ Phương T xác định ông Q chưa trả cho bà H khoản tiền nợ gốc. Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Q theo quy định. Tuy nhiên, ông Q vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Do vậy, bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Q trả cho bà H số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà H về việc buộc ông Q trả số tiền lãi của số tiền 300.000.000 đồng với mức lãi suất 1,66%/tháng, tính từ ngày 01/4/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm:

Xét thấy, bà H và đại diện theo ủy quyền của bà H là ông T trình bày lãi suất các bên thỏa thuận 2%/tháng và ông Q đã trả lãi cho bà H từ ngày vay đến tháng 3/2023, tổng số tiền lãi ông Quý đã trả là 53.800.000 đồng (Năm mươi ba triệu không trăm tám

mươi nghìn đồng). Lời trình bày của bà H và đại diện theo ủy quyền của bà H là ông T phù hợp với chứng cứ là số phụ tài khoản do bà H cung cấp thể hiện ông Q đóng lãi cho bà H 6.000.000 đồng/tháng. Do vậy, có căn cứ xác định bà H cho ông Q vay 300.000.000 đồng với mức lãi suất 2%/tháng.

Do ông Q đã trả lãi đến tháng 3/2023. Bà H yêu cầu Tòa án buộc ông Q trả lãi từ ngày 01/4/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 1,66%/tháng là có căn cứ. Tuy nhiên, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật tố tụng dân sự quy định "*Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật có liên quan quy định khác*". Mặc dù bà H không yêu cầu xem xét đối với số tiền lãi từ ngày 14/5/2022 đến tháng 03/2023 vì cho rằng thời gian này ông Q đã trả lãi nhưng để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của ông Q, cần tính lại toàn bộ lãi suất của số tiền vay theo mức lãi suất phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự, cụ thể:

Tiền lãi của số tiền 300.000.000 đồng từ ngày 14/5/2022 đến ngày 31/3/2023 = 300.000.000 đồng x 20%/12 x 10 tháng 17 ngày = 52.833.000 đồng.

Tiền lãi của số tiền 300.000.000 đồng từ ngày 01/4/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm (27/3/2023), bà Hà yêu cầu ông Q phải trả lãi với mức lãi suất 1,66%/tháng= 300.000.000 đồng x 1,66% x 11 tháng 26 ngày = 59.096.000 đồng.

-> Tổng tiền lãi từ ngày 14/5/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm: 52.833.000 đồng + 59.096.000 đồng= 111.929.000 đồng.

Sau khi trừ số tiền lãi ông Q đã trả là 53.800.000 đồng, số tiền lãi còn lại ông Q phải trả cho bà H là: 111.929.000 đồng - 53.800.000 đồng = 58.129.000 đồng.

Do số tiền lãi nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả là 59.096.000 đồng nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận một phần tương ứng với số tiền lãi 58.129.000 đồng; không được chấp nhận một phần tương ứng với số tiền lãi 967.000 đồng.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận một phần.

[4] Về án phí: Ông Q phải chịu số tiền án phí = (300.000.000 đồng + 58.129.000 đồng) x 5% = 17.906.450 đồng (Mười bảy triệu chín trăm lẻ sáu nghìn bốn trăm năm mươi đồng).

Do yêu cầu khởi kiện của bà H không được chấp nhận một phần nên bà H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng)

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26 và các Điều 35, 39, 92, 147, 227, 228, 235, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ các Điều 280, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H

Buộc bị đơn ông Trịnh Thế Q phải trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) và số tiền lãi 58.129.000 đồng (Năm mươi tám triệu một trăm hai mươi chín nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, hàng tháng bên có nghĩa vụ phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H đối với số tiền lãi vượt quá là 967.000 đồng (Chín trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Trịnh Thế Q phải chịu 17.906.450 đồng (Mười bảy triệu chín trăm lẻ sáu nghìn bốn trăm năm mươi đồng).

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), sau khi khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí bà Hà đã nộp, Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước trả lại cho bà H số tiền 7.800.000 đồng (Bảy triệu tám trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0012536 ngày 01/11/2023.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND thị xã Chơn Thành;
- CCTHADS thị xã Chơn Thành;
- TAND tỉnh Bình Phước;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Minh Thư